

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đoàn Tụ

2. Bà Hoàng Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không tham gia

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Hoàng Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T kết hôn với bà M năm 1999, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, quá trình chung sống, hai vợ chồng chuyển nhà nhiều lần nên đã mất giấy chứng nhận kết hôn và một số giấy tờ tùy thân khác. Ông T đến Ủy ban nhân dân xã N xin lại trích lục kết hôn nhưng Ủy ban trả lời từ năm 1999 đến nay không có tên ông T, bà M trong sổ đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn khắc phục để tiếp tục chung sống. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về nuôi con: Ông T khai, ông và bà M có hai con chung là Hoàng Định T2, sinh ngày 29/9/1999 và Hoàng Anh T3, sinh ngày 06/3/2013. Cháu Hoàng Định T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, có khả năng lao động tự nuôi bản thân nên ông T không yêu cầu gì đối với cháu T2. Đối với cháu T3, hiện nay 06 tuổi, sau khi ly hôn bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi do ông T lái xe không thường xuyên ở nhà và không có thời gian chăm sóc, giáo dục cháu. Hai vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi cháu T3.

Về chia tài sản: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như ông T trình bày, bà M không có ý kiến gì thêm.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Bà M nhận thấy hai vợ chồng không có tình cảm, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà M đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T.

Về nuôi con: Bà M xác nhận bà và ông T có hai con chung như ông T đã trình bày. Bà M đồng ý với yêu cầu của ông T về nuôi con chung và không có ý kiến gì thêm.

Về chia tài sản: Bà M đồng ý hai vợ chồng tự thỏa thuận về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2019 ông T và bà M đã thống nhất được với nhau về những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M nhất trí thuận tình ly hôn.

Về nuôi con: Ông T, bà M không có yêu cầu đối với cháu Hoàng Định T2 do đã trên 18 tuổi. Bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T3 sinh ngày 06/3/2013 cho đến khi cháu T3 tròn 18 tuổi. Hai vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông T, bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T, bà M vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, về nuôi con, chia tài sản và nợ chung như theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 07/3/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông Hoàng Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hoàng Thị M. Bà M có hộ khẩu và thường trú tại xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ vợ chồng:* Theo lời khai của ông Hoàng Minh T và bà Hoàng Thị M, ông bà kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, ông T, bà M không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cũng như bất cứ giấy tờ nào khác chứng minh ông bà đã đăng ký kết hôn. Mặt khác, giấy chứng nhận ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã N xác nhận quá trình kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay không có tên ông T, bà M trong sổ. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, việc kết hôn giữa ông T và bà M không có giá trị pháp lý do chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký theo quy định của pháp luật. Ông T, bà M khai hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và đều có nguyện vọng được ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà M.

[3] *Về nuôi con:* Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2019, ông T, bà M thỏa thuận với nhau về việc nuôi con như sau: Cháu Hoàng Định T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân nên ông T, bà M không có yêu cầu gì đối với cháu T2. Đối với cháu T3, hiện nay 06 tuổi, sau khi ly hôn bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông T, bà M tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông T, bà M vẫn giữ nguyên ý kiến về nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con ông T, bà M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc nuôi con.

[4] *Về chia tài sản:* Quá trình giải quyết vụ án ông T bà M không yêu cầu chia tài sản chung, hai vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Ông T, bà M xác nhận ông bà không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí:* Ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 58, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Minh T và bà Hoàng Thị M.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của ông Hoàng Minh T và bà Hoàng Thị M như sau: Bà M trực tiếp nuôi cháu Hoàng Anh T3, sinh 06/3/2013 đến khi tròn 18 tuổi. Ông T, bà M tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Ông Hoàng Minh T và bà Hoàng Thị M tự thỏa thuận về chia tài sản.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Hoàng Minh T phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình theo biên lai số AA/2016/0001227 ngày 21/02/2019.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Đoàn Tụ Ma Thanh
Khỏe**

Ngôn Ngọc Viên

